TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HS-ST
Ngày: 30/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Hiếu và ông Hà Thanh Phong

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hiền– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

*- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** ông Trịnh Huy Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2026/HS-ST ngày 30/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HS ngày 28/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST- HS ngày 12/3/2026 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo Trần Ngọc B, sinh ngày 16/8/1985 tại tỉnh Phú Thọ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu A, xã L, tỉnh Phú Thọ.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 12/12;Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bố đẻ: Trần Ngọc K (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; Vợ: Vũ Thị Hương G, sinh năm 1987; Bị cáo có 04 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2021).

Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: 01 – Tại bản án số 19 ngày 22/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Lưu hành tiền giả" (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/7/2025, chuyển tạm giam ngày 23/7/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh P. (Có mặt).

2/ Bị cáo Nguyễn Quang M, sinh ngày 29/12/2000 tại tỉnh Phú Thọ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu B, xã P, tỉnh Phú Thọ. Giới tính: Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 12/12;Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bố đẻ: Nguyễn Quang Q, sinh năm 1975; Mẹ đẻ: Lê Thị T, sinh năm 1979; Vợ: Trần Thu T1, sinh năm 2003; Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2023, con nhỏ sinh năm 2024).

Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: 01 – Tại bản án số 38/2018/HS-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xử phạt 08 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản. (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/7/2025, chuyển tạm giam ngày 23/7/2025, ngày 30/12/2025 đến nay được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh. (Có mặt).

** Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu 6, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

2. Anh Nguyễn Duy T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: khu 1, xã Xuân Lũng, tỉnh Phú Thọ

3. Anh Lê Đức A, sinh năm 1985

Địa chỉ: Đội 8, phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ

4. Anh Phan Văn Q1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu 5, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

5. Anh Phan A1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 10, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

6. Anh Phan Châu T3, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 29, phố Hồng Hà 2, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ

7. Anh Lê Hồng C1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 1 Chu Hóa, xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ

8. Anh Hoàng Tuấn A2, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 73, thôn 3, xã Phúc Lộc, thành phố Hà Nội

9. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu T, xã L, tỉnh Phú Thọ

10. Anh Nguyễn Tiến T5, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 7, xã Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

11. Anh Lê Ngọc T6, sinh năm 1978

Địa chỉ: khu Lạng Thị, xã Phùng Nguyên, tỉnh Phú Thọ

12. Anh Trần Trung L, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu G, xã L, tỉnh Phú Thọ

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958

Địa chỉ: khu A, xã L, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ: khu, xã H, thành phố Hà Nội (có mặt)

3. Chị Trần Thu T1, sinh năm 2003

Địa chỉ: Khu B, xã P, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

4. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu T, xã L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Việt B1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu A, xã H, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

6. Anh Chu Đức T7, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu E, xã T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

* Những người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1987

Địa chỉ: khu 11, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

2. Chị Đào Thị Minh H2, sinh năm 1975

Địa chỉ: SN 03, đường Ngọc Hoa, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

3. Anh Trịnh Trung N2, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu Vu Tử, xã Phùng Nguyên, tỉnh Phú Thọ

4. Chị Trần Thanh T9, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 29, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ

5. Chị Vũ Thị Hương G, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu A, xã L, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

(Những người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc B (sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú tại xã L, tỉnh Phú Thọ) và Nguyễn Quang M (sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú tại xã P, tỉnh Phú Thọ) đều hành nghề lái xe vận tải. Cả hai là thành viên của nhóm "LUẬT GIAO THÔNG & AN TOÀN GIAO THÔNG" trên mạng xã hội Facebook, nơi thường xuyên đăng tải các video phản ánh, bình luận về các hành vi bị cho là sai phạm của lực lượng Cảnh

sát giao thông trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Trong đó, Trần Ngọc B giữ vai trò quản trị viên của nhóm, có quyền quản lý, kiểm duyệt nội dung các bài viết và video do các thành viên đăng tải. Khi nhóm thu hút số lượng lớn thành viên và được nhiều lái xe ở các địa phương biết đến, B và M đã đưa ra thông tin không đúng sự thật, tự giới thiệu có mối quan hệ thân thiết với lực lượng Cảnh sát giao thông, qua đó quảng bá khả năng "bao luật", tức là can thiệp, xin cho các phương tiện vận tải có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ (như chở quá tải, cơi nới thùng xe…) vẫn được phép hoạt động vận tải bình thường trên các tuyến giao thông đường liên tỉnh từ Phú Thọ đi Hà Nội và tuyến Cao tốc N - Lào Cai.

Tin tưởng vào những thông tin gian dối do Trần Ngọc B và Nguyễn Quang M đưa ra, nhiều người hành nghề lái xe dịch vụ vận tải đã chủ động liên hệ trực tiếp hoặc qua điện thoại để nhờ hai đối tượng "bao luật" cho các xe ô tô vận tải trong quá trình tham gia giao thông. Khi có người liên hệ, B và M cung cấp số điện thoại cá nhân, yêu cầu các lái xe lưu số, kết bạn qua ứng dụng Zalo và thỏa thuận mức tiền "bao luật" theo từng hình thức cụ thể, gồm: theo ngày với mức 300.000đ/xe/ngày; theo tháng với mức từ 3.000.000đ đến 3.500.000đ/xe/tháng; hoặc theo lượt xe khi đi qua các trạm kiểm soát của lực lượng Cảnh sát giao thông. Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng theo yêu cầu của B và M.

Sau khi nhận tiền, B và M không thực hiện bất kỳ việc liên hệ, tác động hay chuyển tiền cho cá nhân, tổ chức nào thuộc lực lượng Cảnh sát giao thông như đã cam kết, mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Để củng cố lòng tin và tạo vỏ bọc cho hành vi gian dối nêu trên, B và M còn đặt làm các lô-gô mang tên "TRẦN BÌNH", "CU MẠNH" và lô-gô hình tròn có chữ "VT19", sau đó phát cho các lái xe và hướng dẫn gắn lên táp-lô phương tiện khi tham gia giao thông, nhằm tạo cảm giác phương tiện đã được "bao luật" và có sự bảo đảm từ các mối quan hệ như hai đối tượng quảng cáo.

Với thủ đoạn trên, Trần Ngọc B sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Pro Max màu vàng, gắn sim 0976.446.444 để liên lạc với những người nhờ bao luật, sử dụng tài khoản ngân hàng Q2 mang tên Trần Ngọc B và mượn tài khoản của một số người khác để nhận tiền bao luật của những lái xe dịch vụ vận tải. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2025 đến tháng 6/2025, Trần Ngọc B đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của 08 cá nhân với tổng số tiền là 304.300.000đ, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt số tiền 105.000.000đ của anh Nguyễn Cao C, SN: 1984; ở xã L, tỉnh Phú Thọ, cụ thể:

Anh C làm nghề kinh doanh dịch vụ chạy xe vận tải và có quen biết xã hội với Trần Ngọc B. Từ khoảng tháng 01/2025, thấy B quảng cáo có khả năng bao luật, anh C đã gặp trao đổi trực tiếp nhờ B bao luật cho 04 xe đầu kéo chở vật liệu xây dựng trên tuyến Cao tốc N - Lào Cai. Trong đó có 02 xe của anh Trịnh Trung N2, sinh năm: 1991, ở V, P, Phú Thọ, nhưng chỉ có anh C là người đứng ra nhờ bao luật. B đồng ý, yêu cầu anh C phải nộp số tiền 3.500.000đ/1 xe/tháng (tổng mỗi tháng phải chuyển 14.000.000đ) và gửi tiền vào số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 3560.169.996.888 đứng tên chị Vũ Thị Hương G - Sinh năm: 1987 (vợ của B). Sau đó, trong các ngày 02/01/2025, 06/02/2025, 10/3/2025, 07/4/2025, 08/5/2025 anh C đã 6 lần sử dụng tài khoản ngân hàng TMCP Q3 số 0985.128.128 của mình chuyển tiền đến tài khoản theo yêu cầu của B, mỗi lần chuyển 14.000.000đ.

Đến tháng 06/2025, anh C báo thêm 01 xe ô tô đầu kéo của anh N2, theo yêu cầu của B thì anh C đã chuyển số tiền bao luật của tháng 6 là 17.500.000đ đến tài khoản của chị G. Ngày 15/7/2025, anh C nhờ anh Trịnh Trung N2 đưa trực tiếp đưa số tiền 17.500.000đ bằng tiền mặt cho B tại nhà ở của B. Toàn bộ số tiền trên là tiền của anh C tự thanh toán, anh N2 chưa thanh toán tiền cho anh C. Vì vậy, tổng số tiền B chiếm đoạt của anh C là 105.000.000đ.

Do nghi ngờ bị B lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên anh C đã đến Công an tỉnh P trình báo sự việc.

2. Chiếm đoạt số tiền 32.000.000đ của anh Nguyễn Duy T2, sinh năm 1981; ở xã X, tỉnh Phú Thọ, cụ thể:

Anh T2 làm dịch vụ xe vận tải, thông qua bạn bè và quan hệ xã hội anh T2 đã có số điện thoại và zalo của B. Thấy B quảng cáo có khả năng bao luật nên anh T2 đã liên hệ qua điện thoại nhờ bao luật cho 03 xe ô tô của mình chạy tuyến Cao tốc N - Lào Cai. B yêu cầu anh T2 phải chuyển số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ/1 tháng. Do tin tưởng nên từ tháng 05/2025 đến tháng 7/2025, anh T2 đưa cho B tiền mặt 2 lần tại nhà của B với số tiền lần lượt là 10.000.000đ và 15.000.000đ, lần thứ 3 anh T2 đưa số tiền 7.000.000đ bằng tiền mặt tại quán cà phê gần nhà B. Tổng số tiền B chiếm đoạt của anh T2 là 32.000.000đ.

3. Chiếm đoạt của anh Lê Đức A, sinh năm 1985; trú tại: phường N, tỉnh Phú Thọ số tiền 18.600.000đ, cụ thể:

Anh Lê Đức A làm dich vụ xe vận tải và có quen biết xã hội với B. Do tin tưởng B nên anh Đức A đã liên hệ qua điện thoại với B để nhờ bao luật cho các xe dịch vụ vận tải của mình chạy tuyến từ Phú Thọ qua T và B thuộc địa phận Hà Nội. B đồng ý và yêu cầu anh A nếu xe chạy đều thì nhờ báo tháng, mỗi tháng 3.000.000đ/1 đội

Cảnh sát giao thông/1 xe chạy qua. Sau khi thống nhất với nhau thì B bảo anh A tự làm lô gô để chạy. B nhắn tin số tài khoản ngân hàng Q2 của vợ B là Nguyễn Thị Hương G1. Từ tháng 02/2025, anh A đã nhiều lần sử dụng tài khoản ngân hàng MB số 6090198599999 của anh A chuyển khoản theo yêu cầu của B, cụ thể: ngày 19/2/2025 chuyển 600.000đ, ngày 16/3/2025 chuyển 10.500.000đ và ngày 31/3/2025 chuyển 7.500.000đ. Tổng số tiền B đã chiếm đoạt của anh Đức A là 18.600.000đ.

Nghi ngờ bị Trần Ngọc B lừa đảo chiếm đoạt tải sản nên anh Lê Đức A đã đến trình báo Cơ quan điều tra Công an tỉnh P.

4. Chiếm đoạt của anh Phan Văn Q1, sinh năm 1992; trú tại: khu E, xã L, tỉnh Phú Thọ số tiền 3.200.000đ, cụ thể:

Anh Q1 làm nghề chạy dịch vụ vận tải và có quen biết xã hội với B. Khi nghe thông tin B có khả năng bao luật, anh Q1 đã liên hệ qua điện thoại với B để nhờ bao Luật tuyến Cao tốc N - Lào Cai. B đồng ý và yêu cầu anh Q1 phải nộp tiền theo ngày, mỗi ngày 300.000đ/1 xe. Anh Q1 đồng ý và hàng ngày sử dụng điện thoại số 0346.994.029 để liên lạc với B báo xe bao Luật. Khoảng đầu tháng 7/2025 anh Q1 đã trực tiếp đưa số tiền 3.200.000đ tại nhà ở của B.

5. Chiếm đoạt của anh Phan A1, sinh năm 1980; trú tại: khu A, xã L, tỉnh Phú Thọ số tiền 16.400.000đ, cụ thể:

Khoảng tháng 3/2025, do quen biết xã hội với B và nghe thông tin B có khả năng bao Luật, nên anh Phan A1 đã gặp và nhờ B báo luật cho 03 xe ô tô đầu kéo khi tham gia giao thông chạy trên các tuyến đường từ Hà Nội về Phú Thọ. B yêu cầu mức tiền 200.000đ/xe/ngày, anh Phan A1 đồng ý và thường xuyên gọi điện báo biển số xe cho B. Tiền "bao luật" được anh Phan Anh C2 từ tài khoản Ngân hàng TMCP N3 vào tài khoản MB số 3560111998888 của B, với tổng số tiền 24.400.000đ, gồm các lần chuyển: ngày 10/3/2025 chuyển 600.000đ; ngày 11/3/2025 chuyển 600.000đ; ngày 18/3/2025 chuyển 12.200.000đ (quá trình điều tra làm rõ trong đó 4.200.000đ là tiền "bao luật" còn 8.000.000đ là tiền anh Phan A1 trả nợ B); ngày 22/3/2025 chuyển 2.000.000đ; ngày 12/4/2025 chuyển 9.000.000đ. Tổng số tiền B chiếm đoạt của anh Phan A1 là 16.400.000đ.

6. Chiếm đoạt của anh Phan Châu T3, sinh năm 1985; trú tại: tổ B, phường T, tỉnh Phú Thọ với số tiền là 14.900.000đ, cụ thể:

Khoảng tháng 01/2025, qua bạn bè giới thiệu, anh T3 biết thông tin B có khả năng bao Luật nên đã liên hệ qua điện thoại nhờ B bao luật cho các xe ô tô vận tải của mình khi tham gia giao thông từ Phú Thọ đi các tuyến liên tỉnh. B yêu cầu anh T3 phải nộp số tiền là 300.000đ/1 chuyến. Anh T8 đồng ý, hàng ngày nhắn tin qua ứng

dụng Imes để báo biển số xe cho B, còn B sẽ nhắn tin số tài khoản để anh T8 chuyển tiền cho B.

Từ ngày 28/01/2025, đến ngày 16/5/2025 anh T8 đã chuyển cho B tổng số tiền 14.900.000đ vào các tài khoản khác nhau theo yêu cầu của B.

- Lần 1: Ngày 28/01/2025, anh T8 sử dụng tài khoản V số 105.878.344.924 của chị Trần Thị Thanh T9, Sinh năm: 1985 vợ anh T8 chuyển 2.000.000đ đến tài khoản MB số 3560104230004 mang tên Đào Thị Minh H2 - SN: 1975; ở phường T, tỉnh Phú Thọ.

- Lần 2: Ngày 20/02/2025, anh T8 sử dụng tài khoản V số 105.878.344.924 của chị Trần Thị Thanh T9 chuyển số tiền 5.700.000đ đến tài khoản Ngân hàng V1 số 0361000190090 mang tên Nguyễn Thị Thu H1, SN: 1987; ở xã L, tỉnh Phú Thọ.

- Lần 3: Ngày 31/3/2025, anh T8 sử dụng tài khoản ngân hàng B2 số 42110.000.170.415 của mình chuyển số tiền 3.300.000đ đến tài khoản ngân hàng V1 số 0361000190090 mang tên Nguyễn Thị Thu H1, SN: 1987; ở xã L, tỉnh Phú Thọ.

- Lần 4: Ngày 16/5/2025, anh T8 sử dụng tài khoản ngân hàng B2 số 42110.000.170.415 của mình chuyển số tiền 3.900.000đ đến tài khoản ngân hàng T12 số 9885869999 mang tên Trần Thị H, SN: 1983; ở xã D, TP ., là chị gái B.

7. Chiếm đoạt của anh Lê Hồng C1, sinh năm 1988; trú tại: xã H, tỉnh Phú Thọ, số tiền 22.200.000đ, chia cho Nguyễn Văn M1 được hưởng lợi số tiền 3.000.000đ.

Khoảng tháng 02/2025, anh C1 làm dịch vụ chạy xe vận tải, do quen biết xã hội với B từ trước và tin tưởng B có khả năng bao luật nên anh C1 đã gặp B để liên hệ để nhờ B bao luật tuyến từ T đi Hà Nội. B yêu cầu anh C1 phải nộp cho B số tiền là 200.000đ/1 xe/ khi đi qua 1 tổ công tác của Cảnh sát giao thông/1 ngày. Hàng ngày, anh C1 sử dụng số điện thoại 0965.026.039 để liên hệ nhắn tin gọi điện báo xe cho B. Cuối tháng, B sẽ cộng tổng số tiền yêu cầu anh C1 chuyển vào số tài khoản ngân hàng MB của B. Trong tháng 3 và tháng 4/2025 anh C1 đã sử dụng tại khoản ngân hàng B2 số 4210345639 của vợ anh C1 là chị Nguyễn Ngọc P chuyển đến số tài khoản của B tổng số 22.200.000đ trong đó ngày 11/3/2025 chuyển 10.200.000đ và ngày 01/4/2025 chuyển 12.000.000đ.

Trong lần phạm tội này, khi B gặp trao đổi việc bao luật với anh C1 có M1 biết, B và M1 đã thống nhất làm thêm Lô gô Cu M2 và để tại nhà B sử dụng dán vào các xe nhờ báo luật. Để tránh mọi người để ý, B đưa cho anh C1 01 lô gô Cu M2 để sử dụng. Vì vậy, ngày 01/4/2025 sau khi thu tiền luật của anh C1 là 12.000.000đ, đến ngày 16/4/2025 B đã chuyển khoản cho M2 3.000.000đ vào tài khoản MB của M2,

số tài khoản là 0367207558, là tiền M2 được hưởng lợi trong việc bao luật xe của anh C1.

Tổng số tiền B chiếm đoạt của anh C1 là 22.200.000đ. Sau khi chiếm đoạt được B có chia cho M2 3.000.000đ như đã nêu trên.

8. Chiếm đoạt của anh Hoàng Tuấn A2, sinh năm 1984; trú tại: xã P, TP . số tiền 92.000.000đ, chia cho M2 hưởng lợi số tiền 2.000.000đ.

Thông qua các mối quan hệ xã hội B quen biết anh Hoàng Tuấn A2, thời gian khoảng cuối tháng 01/2025. B có giới thiệu bản thân có khả năng bảo kê, báo luật cho các phương tiện vận tải khi tham gia giao thông từ Phú Thọ đi Hà Nội. Tin tưởng lời nói của B là thật nên anh Tuấn A2 đã gặp trực tiếp nhờ B báo luật cho các xe ô tô của gia đình, trong lúc gặp B có M2 đi cùng và biết việc này. B yêu cầu anh A2 phải nộp số tiền luật 200.000đ/xe/ngày/1 tổ Cảnh sát giao thông, nếu báo xe cả tháng thì chỉ phải nộp số tiền 7.000.000đ/tháng. Anh Tuấn A3 đồng ý, hàng ngày nhắn tin cho B qua ứng dụng Zalo để báo biển số xe.

Ngày 22/01/2025 B nhắn tin cho Tuấn A3 số tài khoản ngân hàng Q2 số 0367.207.558 của Nguyễn Quang M để anh Tuấn A3 chuyển tiền luật cho B, cùng ngày, anh Tuấn A3 sử dụng tài khoản ngân hàng MSB số 0983.855.503 chuyển số tiền 800.000đ vào tài khoản của M; ngày 23/01/2025, anh A3 tiếp tục chuyển số tiền 1.200.000đ vào tài khoản của M. Sau khi chiếm đoạt được tiền B chia cho M hưởng khoản tiền 2.000.000đ.

Đến tháng 2 và tháng 3/2025, anh Tuấn A3 tiếp tục nhờ B bao luật. Ngày 02/3/2025, B cho số tài khoản ngân hàng số 0361000190090 mang tên Nguyễn Thị Thu H1 để anh A3 chuyển tiền. Cùng ngày 02/3/2025 anh A3 sử dụng tài khoản MSB số 0983.855.503 chuyển số tiền bao luật là 90.000.000đ gồm 70.000.000đ tiền luật tháng 3/2025 của 10 xe ô tô và 20.000.000đ tiền luật ngày của các xe ô tô khác trong tháng 2, theo yêu cầu của B.

Tổng số tiền B chiếm đoạt của anh Hoàng Tuấn A2 là 92.000.000đ (trong đó có số tiền chia cho M 2.000.000đ).

Quá trình khám xét tại chỗ ở của Trần Ngọc B đã thu giữ 02 biển hiệu ghi tên TRẦN B và 04 (Bốn) biển hiệu ghi tên CU MẠNH. Trần Ngọc B tự nguyện giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Pro Max màu vàng, đã qua sử dụng. Ngoài ra, quá trình điều tra anh Lê Hồng C1 tự nguyện giao nộp: 03 biển hiệu ghi tên TRẦN B và 01 biển hiệu ghi tên CU MẠNH là biển hiệu được B đưa để đặt trên táp lô của xe ô tô.

Với thủ đoạn tương tự Trần Ngọc B, Nguyễn Quang M sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max, gắn sim số 0384.734.737 làm phương tiện liên lạc, trực tiếp gọi điện, nhắn tin với những người có nhu cầu "bao luật"; đồng thời sử dụng tài khoản ngân hàng TMCP Q3 (Q2) số 0367.207.558 đứng tên Nguyễn Quang M để nhận tiền "bao luật" do các bị hại chuyển đến. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2025 đến tháng 7/2025, Nguyễn Quang M đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 07 cá nhân, với tổng số tiền 58.000.000đ, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1987; trú tại: khu T, xã L, tỉnh Phú Thọ và 03 người do anh T4 giới thiệu với tổng số tiền là 29.500.000đ.

Anh Nguyễn Văn T4 có quan hệ là cậu bên vợ của M và làm nghề lái xe tải dịch vụ. Khoảng tháng 6/2025 Nguyễn Văn M1 đã gặp và nói với anh T4 có khả năng bao luật cho các xe chạy dịch vụ vận tải trên các tuyến trong bàn tỉnh Phú Thọ. Do tin tưởng M1, anh T4 đã nhờ bao luật cho 02 xe đầu kéo, M1 yêu cầu anh T4 chuyển số tiền 6.000.000đ/1 tháng/1 xe, tiền sẽ chuyển vào tài khoản ngân hàng Q3 của M1. Anh T4 đồng ý, hàng ngày liên lạc qua điện thoại để báo xe cho M1. Ngày 09/6/2025 anh T4 nhờ chị Hán Thị Thúy Đ, sinh năm 1992, ở xã T, tỉnh Phú Thọ sử dụng tài khoản ngân hàng B2 của chị Đ chuyển cho M1 12.000.000đ, sau khi chuyển tiền, M1 đưa cho anh T4 02 tấm biển: "Cu Mạnh" và dặn anh T4 đặt lên táp lô xe.

Ngoài ra, do tin tưởng vào thông tin do Nguyễn Quang M đưa ra, anh Nguyễn Văn T4 đã nhờ M "bao luật" cho các xe ô tô đầu kéo của anh Nguyễn Văn N1 (SN 1985, trú tại khu T, xã L, tỉnh Phú Thọ), anh Nguyễn Việt B1 (SN 1984, trú tại xã H, tỉnh Phú Thọ) và xe ô tô biển kiểm soát 19H-015.41 của anh Chu Đức T7 (SN 1986, hộ khẩu thường trú tại khu E, xã T, tỉnh Phú Thọ). M yêu cầu mức tiền 7.000.000đ/xe/tháng đối với xe của anh N1 và anh B1, và 3.500.000đ/tháng đối với xe biển kiểm soát 19H-015.41 của anh T7. Trong tháng 6/2025, anh Nguyễn Văn T4 đã thu tiền của các chủ xe và nộp đủ cho Nguyễn Quang M tổng số tiền 17.500.000đ. Cụ thể, ngày 21/6/2025, anh T4 sử dụng tài khoản ngân hàng V số 107.873.388.046 chuyển 7.000.000đ vào tài khoản ngân hàng Q2 của M và trực tiếp đưa cho M 10.500.000đ tiền mặt.

Đối với anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Việt B1 và anh Chu Đức T7, kết quả điều tra xác định các cá nhân này đều hành nghề lái xe dịch vụ vận tải; do tin tưởng thông tin M cung cấp thông qua anh T4 là thật nên đã đưa tiền cho anh T4 để nộp tiền "bao luật" cho M. Sau khi nhận tiền, anh T4 đã chuyển toàn bộ số tiền 17.500.000đ cho M, không được hưởng lợi vật chất và không có sự thỏa thuận hưởng lợi. Việc anh T4 giới thiệu M với các cá nhân khác xuất phát từ sự tin tưởng vào thông tin do M

đưa ra, không có căn cứ xác định anh T4 biết hoặc có ý thức tham gia vào hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, xác định anh Nguyễn Văn T4 không có mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm đối với anh T4.

Tổng số tiền M chiếm đoạt của anh T4, anh N1, anh B1 và anh T7 là 29.500.000đ.

2. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Tiến T5, sinh năm 1988; trú tại: khu G, xã T, tỉnh Phú Thọ số tiền 18.000.000đ, cụ thể:

Thông qua anh Nguyễn Văn T4 giới thiệu, anh T5 làm nghề lái xe dịch vụ vận tải đã quen biết M, tin tưởng M nên anh T5 đã gặp trực tiếp nhờ M báo luật tháng cho 02 xe ô tô của mình trên các tuyến trong địa bàn tỉnh Phú Thọ. M yêu cầu anh T5 mỗi tháng phải chuyển 3.000.000đ/xe để làm luật vào tài khoản ngân hàng MB của M. Anh T5 đồng ý và lấy số điện thoại của M để liên lạc báo luật hàng ngày. Trong 03 ngày 15/5/2025, 05/6/2025 và ngày 17/7/2025, anh T5 sử dụng tài khoản ngân hàng H3 số 1868.281.111 chuyển tổng số tiền 18.000.000đ vào tài khoản của M, trong đó mỗi lần chuyển 6.000.000đ.

Tổng số tiền M chiếm đoạt của anh Nguyễn Tiến T5 là 18.000.000đ.

3. Chiếm đoạt của anh Lê Ngọc T6, sinh năn 1978; trú tại: xã P, tỉnh Phú Thọ số tiền 7.000.000đ, cụ thể:

Khoảng cuối tháng 6/2025, thông qua anh Nguyễn Văn T4, M quen biết anh T6 cũng làm lái xe dịch vụ vận tải. Do tin tưởng M nên anh T6 đến gặp M để nhờ M bao luật cho xe ô tô của mình trên các tuyến trong địa bàn tỉnh Phú Thọ. M đồng ý và yêu cầu anh T6 phải nộp số tiền 7.000.000đ/tháng. Anh T6 đồng ý lấy số điện thoại của M để liên lạc, đến chiều ngày 01/7/2025, anh T6 đưa cho M 7.000.000đ tiền mặt tại nhà của T6.

4. Chiếm đoạt của anh Trần Trung L, sinh năm 1984; trú tại: xã L, tỉnh Phú Thọ số tiền 3.500.000đ.

Thông qua B giới thiệu, M quen biết anh L làm lái xe dịch vụ vận tải, do tin tưởng M nên anh L đã đến nhờ M báo luật cho xe ô tô tải của mình trên tuyến Cao tốc N - Lào Cai. M yêu cầu anh L phải nộp số tiền 3.500.000 đ/tháng. Anh L đồng ý và đã lấy số điện thoại của M để liên lạc. Ngày 24/6/2025, anh L sử dụng tài khoản ngân hàng MB số 1260.119.848.888 của anh L chuyển 3.500.000đ vào tài khoản ngân hàng của M để bao luật.

Tổng số tiền Nguyễn Quang M đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T4, anh Nguyễn Tiến T5, Nguyễn Ngọc T10, Lê Ngọc T6, Trần Trung L là 58.000.000đ.

Ngoài ra M còn tham gia giúp sức Trần Ngọc B lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Lê Hồng C1 và Hoàng Tuấn A2. M biết B nhận bao Luật cho xe của anh C1 và anh Tuấn A2 nên đã cho B mượn số tài khoản để nhận tiền lừa đảo và được B cho hưởng lợi số tiền lừa đảo 3.000.000đ từ anh C1 và 2.000.000đ từ anh Tuấn A2. Vì vậy, Nguyễn Quang M phải chịu trách nhiệm với số tiền được hưởng lợi từ việc B lừa đảo là: 5.000.000đ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát các bị hại đã bị B và M lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên không xác định được thêm bị hại nào khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trần Ngọc B và Nguyễn Huy M3 đã thừa nhận hành vi, thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản như trên, không có lời bào chữa nào khác.

Bản cáo trạng số 19A/CT-VKSLT ngày 26/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Trần Ngọc B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Quang M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Ngọc B từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2025

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản Điều 52; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Quang M từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 17/7/2025 đến ngày 30/12/2025.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Xác nhận bị cáo Trần Ngọc B và bị cáo Nguyễn Quang M đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 05 biển hiệu ghi tên "TRẦN BÌNH' và 07 biển hiệu ghi tên 'CU MẠNH"; tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0384 734 737 thu giữ của bị cáo M.

Tịch thu bán thu nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 11 Pro Max thu giữ của Nguyễn Quang M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng thu giữ của Trần Ngọc B

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

+ Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận:

Lợi dụng việc tham gia vào quản trị nhóm Facebook " Luật giao thông & An toàn giao thông, Trần Ngọc B và Nguyễn Quang M đã tiếp cận các lái xe kinh doanh vận tải, cố ý đưa thông tin sai sự thật việc có mối quan hệ với lực lượng cảnh sát giao thông và có khả năng bao luật cho cá phương tiện khi tham gia giao thông trên các tuyến đường trong địa bàn tỉnh Phú Thọ, tuyến đường liên tỉnh từ Phú Thọ đi Hà Nội và tuyến đường C - Lào Cai. Hai đối tượng B và M đã yêu cầu các lái xe nộp tiền bao luật theo ngày, tháng hoặc chuyến. Thực tế, B và M không có bất kì mối quan hệ nào hay khả năng tác động nào đối với lực lượng cảnh sát giao thông. Việc đưa thông tin nêu trên nhằm tạo niềm tin để các bị hại giao tiền, từ đó chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 6/2025, Trần Ngọc B đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của 08 bị hại gồm: anh Nguyễn Cao C, anh Nguyễn Duy T2, anh Lê Hồng C1, anh Phan A1, anh Phạm Châu T11, anh Hoàng Tuấn A2, anh Phan Văn Q1 và anh Lê Đức A với tổng số tiền chiếm đoạt là 304.300.000đ. Trong số tiền chiếm đoạt được, B đưa cho M 5.000.000đ; số tiền còn lại B sử dụng vào mục đích cá nhân; không chuyển cho bất kì cá nhân hay tổ chức nào.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 6/2025, Nguyễn Quang M đã tự mình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 07 bị hại gồm: anh Nguyễn Văn T4, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Việt B1, anh Chu Đức T7, anh Nguyễn Tiến T5, anh Lê Ngọc T6 và anh Trần Trung L với tổng số tiền là 58.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Quang M phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi chiếm đoạt tài sản trong vụ án này là 63.000.000đ. Toàn bộ số tiền có được, M đã chi tiêu phục vụ cá nhân.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà các bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Ngọc B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự; Nguyễn Quang M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự.

+ Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Xét vụ án có tính chất nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo có tính chất đồng phạm, nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong nhân dân, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật; có điều kiện để nhận thức về pháp luật, có sức khỏe nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện và rèn luyện bản thân. Các bị cáo đã thực hiện hành vi ngang nhiên thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo B và bị cáo M đều phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội từ hai lần trở lên quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo B và bị cáo M đều được gia đình tự nguyện bồi thường thay cho bị hại; Các bị hại có đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; Gia đình bị cáo B có công với cách mạng. Vì vậy, bị cáo B và bị cáo M đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng cần phải áp dụng hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Tại Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định ” Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét các bị cáo không có tài sản riêng gì lớn, là lao động tự do nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị Thu H1, chị Vũ Thị Hương G, chị Đào Thị Minh H2 là người cho bị cáo B mượn tài khoản để nhận tiền các bị hại chuyển tiền đến: Chị H1, chị G, chị H2 đều là người thân trong gia đình. Do tin tưởng và theo đề nghị của B đã đồng ý cho mượn tài khoản để nhận tiền hộ mà không biết B sử dụng các tài khoản này nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi nhận được tiền chuyển vào tài khoản, chị H1, chị G, chị H2 đều chuyển lại cho B, không được hưởng lợi vật chất và không có sự tham gia, bàn bạc, thỏa thuận hay tham gia vào hành vi phạm tội của B, vì vậy không xem xét, xử lý trách nhiệm đối với chị G, chị H1, chị H2 là phù hợp.

Đối với chị Trần Thị H: ngày 16/5/2025 chị H cho B mượn tài khoản ngân hàng để nhận số tiền 3.900.000đ. Sau khi nhận được tiền và thông báo cho B biết, B nói với chị H giữ lại số tiền này do chị H bị ốm nên B gửi tiền thăm hỏi luôn. Mặc dù chị H đã chủ động đề nghị trả lại cho B số tiền trên nhưng B không nhận lại. Vì vậy khoản tiền chị H đã nhận không nhằm mục đích che giấu, hợp thức hóa hành vi phạm tội, không phát sinh yếu tố đồng phạm hoặc hưởng lợi. Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm của chị Trần Thị H là phù hợp. Do B đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, xét không cần phải thu giữ khoản tiền trên.

Đối với bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ bị cáo B đã thực hiện việc bồi thường thay cho bị cáo B: bà N không có tranh chấp gì với bị cáo về số tiền đã bồi thường cho các bị hại, khẳng định bà là người thay mặt bị cáo bồi thường cho các bị hại. Chị Trần Thu T1 là vợ bị cáo M thực hiện việc bồi thường cho các bị hại thay cho bị cáo M và

không có ý kiến gì về việc bồi thường. Vì vậy HĐXX không xem xét về dân sự liên quan đến bà N, chị T1 là phù hợp.

Đối với việc anh T4 nhận tiền của anh N1, anh B1, anh T7 để giao cho M. Quá trình điều tra, anh N1, anh B1, anh T7 không có tranh chấp gì với khoản tiền đã giao cho anh T4. Gia đình bị cáo M đã bồi thường đủ cho anh T4 số tiền 29.500.000đ. Nếu giữa anh T4 và anh N1, anh T7, anh B1 có tranh chấp khoản tiền trên sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[3] Về vật chứng:

Đối với 05 biển hiệu ghi tên "TRẦN BÌNH' và 07 biển hiệu ghi tên 'CU MẠNH" đã thu giữ: đây là các vật chứng do B và M đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị, xét tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 sim số 0384 734 737 thu giữ của bị cáo M: bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng xét tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max thu giữ của Nguyễn Quang M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng thu giữ của Trần Ngọc B: bị cáo B và bị cáo M đã sử dụng điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội, xét cần tịch thu bán thu nộp ngân sách Nhà nước

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo B và bị cáo M đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại, các bị hại đều không có yêu cầu bồi thường gì khác, vì vậy HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường trách nhiệm dân sự.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Điều luật áp dụng:

Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điều 38; Khoản 1 Điều 47; Khoản 1 Điều 48; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc B;

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điều 38; Khoản 1 Điều 47; Khoản 1 Điều 48; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang M;

Căn cứ Khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] Về tội danh và mức hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc B và bị cáo Nguyễn Quang M phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc B 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/7/2025

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang M 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 17/7/2025 đến ngày 30/12/2025.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận bị cáo Trần Ngọc B đã bồi thường cho các bị hại sau: anh Nguyễn Cao C: 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng chẵn); anh Lê Hồng C1: 22.200.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn); Anh Lê Đức A 18.600.000đ (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn); Anh Nguyễn Duy T2: 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng chẵn); Anh Phan Văn Q1: 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn); Anh Phan A1: 16.400.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn); Anh Phan Châu T3: 14.900.000đ (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng chẵn); Anh Hoàng Tuấn A2 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng chẵn).

Xác nhận bị cáo Nguyễn Quang M đã bồi thường cho những bị hại sau: Ông Nguyễn Văn T4 29.500.000đ (hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng chẵn); ông Nguyễn Tiến T5 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng); Ông Lê Ngọc T6: 7.000.000đ (bảy triệu đồng chẵn); ông Trần Trung L 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

[4] Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 05 biển hiệu ghi tên "TRẦN BÌNH' và 07 biển hiệu ghi tên 'CU MẠNH"; 01 sim số 0384 734 737 thu giữ của bị cáo M

Tịch thu bán thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, số Imei: 353.908.109.582.863 thu giữ của Nguyễn Quang M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng, số Imei: 354.245.334.138.511, số Imei 2: 354 245 334.197.251 thu giữ của Trần Ngọc B.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc B, Nguyễn Quang M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo B và bị cáo M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (gồm bà N, chị H, chị T6) có mặt được quyền kháng cáo; Những người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người TGTT
- TAND tỉnh Phú Thọ
- VKSND khu vực 2- Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THA DS tỉnh Phú Thọ
- THA hình sự Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại TG số 1 Công an tỉnh Phú Thọ
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Loan